

Số: 3965/STNMT-MT
V/v rà soát thực hiện quy định về bảo vệ
môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường
năm 2020

An Giang, ngày 15 tháng 11 năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công thương; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Giao thông vận tải (là chủ đầu tư các dự án);
- Các Ban: Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh; Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3323/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Nhằm hướng dẫn cho các Sở, ban, ngành tỉnh (là chủ đầu tư các dự án đã được phê duyệt/xác nhận thủ tục môi trường) và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chủ dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp đang hoạt động, tự rà soát các dự án, cơ sở và đảm bảo thực hiện theo quy định, cụ thể:

1. Thực hiện thủ tục giấy phép môi trường:

1.1. Đối tượng phải có giấy phép môi trường được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

“1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.”.

1.2. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường được quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:

Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020):

“a) Dự án đầu tư nhóm II quy định tại Điều 39 của Luật này;

b) Dự án đầu tư nhóm III quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

c) Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.”.

Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

1.3. Thời điểm cấp giấy phép môi trường và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường:

Thời điểm cấp giấy phép môi trường và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường được quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 28, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ như sau:

a) Trường hợp 1: Dự án, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện thủ tục môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 (bao gồm các thủ tục xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước,...), Doanh nghiệp phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/2022).

b) Trường hợp 2: Dự án, cơ sở đã thực hiện hoàn thành, đầy đủ các thủ tục theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định khác có liên quan như: giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi,... (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử

dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn.

c) Trường hợp 3: Dự án, cơ sở chưa có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (chưa có đầy đủ các loại giấy phép môi trường thành phần như trường hợp 2 nêu trên), thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường, Doanh nghiệp phải thực hiện như sau:

- Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có một trong các hồ sơ này, Doanh nghiệp phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư có hoạt động rà soát, cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền như đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có giấy phép môi trường, Doanh nghiệp phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

d) Trường hợp 4: Cơ sở đang hoạt động mà chưa có xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ về môi trường tương đương theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 thì thực hiện như sau:

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường, Doanh nghiệp phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư có hoạt động rà soát, cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền như đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Đối với dự án đầu tư, cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải đăng ký môi trường, Doanh nghiệp phải thực hiện đăng ký môi trường theo quy định tại khoản 6 Điều 48 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ:

2.1 Đối tượng báo cáo, thời gian báo cáo và cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm

- Đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Yêu cầu cơ sở thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*) **trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo** về Cơ quan cấp giấy phép môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường (*noi dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*); Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp (*đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp*).

- Đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường. Yêu cầu cơ sở thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 05.B Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*) **trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo** về cơ quan tiếp nhận đăng ký môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường (*noi dự án đầu tư, cơ sở có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ*); Ủy ban nhân dân cấp huyện; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp (*đối với các cơ sở nằm trong khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc cụm công nghiệp*).

- Đối với chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường thì không phải thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

- Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*) **trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo** về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan cấp giấy phép môi trường và Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Đối với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thời gian gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12*) **trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo** về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan cấp giấy phép môi trường và Ủy ban nhân dân cấp huyện (*nơi cụm công nghiệp hoạt động*).

2.2. Hình thức, phương thức báo cáo gửi đến cơ quan tiếp nhận báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm:

- Đối với báo cáo bằng văn bản giấy, có chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu của đơn vị và bản điện tử (file.doc). Các biểu mẫu tổng hợp số liệu kèm theo báo cáo phải được đóng dấu giáp lai. Báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo bằng hình thức nhận trực tiếp; nhận qua dịch vụ bưu chính; nhận qua Fax.

- Đối với báo cáo bằng văn bản điện tử theo thể thức định dạng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định hoặc được số hóa từ văn bản giấy, có chữ ký điện tử của người có thẩm quyền và đóng dấu điện tử của đơn vị. Báo cáo gửi đến cơ quan nhận báo cáo qua hệ thống thông tin môi trường các cấp hoặc hệ thống thông tin khác của địa phương; nhận qua hệ thống thư điện tử.

- Lưu ý, bản điện tử nộp theo địa chỉ: <https://sotainguyenmt.angiang.gov.vn/>.

2.3. Công tác lưu giữ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ:

Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có trách nhiệm lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

Lưu ý: Chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp thực hiện chương trình quan trắc và giám sát môi trường định kỳ đúng thông số, tần suất và vị trí giám sát phải có tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, theo đúng hồ sơ môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận. Trường hợp thay đổi chương trình quan trắc giám sát phải nêu rõ nguyên nhân và phải được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận hồ sơ môi trường (*Có bảng biểu so sánh, đối chiếu các nội dung đơn vị đã triển khai thực hiện so với các nội dung trong báo cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt*).

3. Thực hiện các quy định về đầu tư lắp đặt, kiểm soát hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục:

3.1. Đối với các cơ sở, doanh nghiệp đã lắp đặt hệ thống quan trắc và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thực hiện tốt việc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải theo quy định tại Điều 35 và Điều 38, Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Tăng cường việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo định kỳ để đảm bảo chất lượng số liệu quan trắc.

- Rà soát, thực hiện nâng cấp, thay thế thiết bị của hệ thống đáp ứng quy định tại Điều 33, Điều 34, Điều 36 và Điều 37 của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT; thời gian hoàn thành trước ngày 16/8/2023.

3.2. Đối với các cơ sở, doanh nghiệp thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục mà chưa lắp đặt hệ thống quan trắc và truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường: Đề nghị ưu tiên bố trí kinh phí để đầu tư lắp đặt hệ thống quan trắc đáp ứng quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và hoàn thành truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 31/12/2024.**

4. Đề nghị Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Rà soát, thông báo trực tiếp đến tận các Doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu thuộc quyền quản lý (đảm bảo các Doanh nghiệp nhận được văn bản này và biết để thực hiện) và theo dõi, hướng dẫn, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo các phòng ban, đơn vị chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn rà soát, thông báo trực tiếp đến tận các Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trên địa bàn quản lý (đảm bảo các Doanh nghiệp nhận được văn bản này và biết để thực hiện) và hướng dẫn, theo dõi, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần hướng dẫn các đơn vị có văn bản gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường, địa chỉ: Số 837, đường Trần Hưng Đạo, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để các đơn vị biết, tổ chức thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- CCBVMT;
- Thanh tra Sở;
- Trung tâm Công nghệ thông tin (công khai trên cổng thông tin của Sở);
- PTNMT các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Kiến Thọ